TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **422**/2023/QĐST-VDS	*Châu Thành, ngày 10 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 591/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm 1991;

Địa chỉ: ấp A, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre

2. Anh Đỗ Tấn Minh T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết L và anh Đỗ Tấn Minh T kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 02/3/2020 trên tinh thần tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận . Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống có hạnh phúc được 02 năm, nhưng cho đến đầu năm 2023 tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không còn phù hợp, có những bất đồng trong cuộc sống vợ chồng, mặc dù hai bên đã cố gắng nhưng vẫn không kiềm chế nổi bức xúc. Xét thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị L và anh T cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Do đó, có căn cứ công nhận cho anh chị thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Hai bên thỏa thuận chị L được trực tiếp nuôi con chung là Đỗ Đình P1, sinh ngày 01/5/2020. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi

con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh T cùng khai không có, nên Tòa án không xét đến.

[4] Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, chị L và anh T mỗi bên phải chịu là 150.000 đồng(Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tuyết L với anh Đỗ Tấn Minh T.

- Về con chung: Hai bên thỏa thuận chị L được trực tiếp nuôi con chung là Đỗ Đình P1, sinh ngày 01/5/2020. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể giải quyết hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh T cùng khai không có, nên không xét đến.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị L và anh T mỗi bên phải chịu là 150.000 đồng (Mốt trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) của chị L và anh T được khấu trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000854 ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Chị L và anh T đã nộp đủ tiền lệ phí

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- TAT (Phòng kiểm tra);
- UBND xã Q, huyện CT, tỉnh BT;
-Lưu hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Tuấn